

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST

Ngày: 04-4-2022

V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Công Vĩnh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 302/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thanh N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh T.

*- Bị đơn:* 1. Ông Phan Văn M, sinh năm 1977;

2. Bà Cai Thị Th, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Chánh, xã Mỹ Long, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Bà N có đơn xin vắng mặt. Ông M, bà Th vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N trình bày:

Vì chỗ quen biết và tin tưởng nên bà có cho ông M, bà Th vay nhiều lần, cụ thể: Vào ngày 05/4/2019, bà cho ông M, bà Th vay số tiền 40.000.000 đồng; ngày 05/5/2019, bà cho ông M, bà Th vay số tiền 10.000.000 đồng và ngày 09/9/2019, bà cho ông M, bà Th vay số tiền 15.000.000 đồng, tổng cộng là 65.000.000 đồng. Khi vay tiền có làm biên nhận do bà Th đại diện viết và ký tên. Ông M, bà Th hứa khi nào bà cần thì trả lại cho bà.

Tuy nhiên từ năm 2020 đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu ông M, bà Th trả lại tiền cho bà thì ông M, bà Th hứa bán đất xong sẽ trả, nhưng sau khi bán đất lại không trả cho bà. Bà tiếp tục yêu cầu trả thì cô tình hứa kéo dài thời gian cho đến nay. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông M, bà Th trả cho bà số tiền 65.000.000 đồng.

Ông M, bà Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà N có đơn xin vắng mặt. Ông M, bà Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N, ông M và bà Th theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét bà N yêu cầu ông M và bà Th trả số tiền 65.000.000 đồng, thấy rằng:

Tại các giấy Biên nhận ngày 05/4/2019, ngày 05/5/2019 và ngày 09/9/2019, thể hiện bà Th vay của bà N số tiền 65.000.000 đồng và bà Th có ký tên. Mặt khác, ông M, bà Th không phản đối yêu cầu khởi kiện của bà N nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Điều đó chứng minh rằng, ông M, bà Th có vay của bà N số tiền 65.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến hạn trả nợ mà ông M, bà Th không thực hiện là có lỗi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bên cho vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thanh N.

[4] Về án phí: Ông M, bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 288, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thanh N.
2. Buộc ông Phan Văn M và bà Cai Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị Thanh N số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).
3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông M, bà Th chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.
4. Về án phí: Ông Phan Văn M và bà Cai Thị Th phải chịu 3.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trương Thị Thanh N 1.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001506 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, đề yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Vĩnh Đức**